

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thu Hiền

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Đình Hải

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 368/2024/TLST- HNGĐ ngày 08/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Minh H vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/02/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Từ tháng 02/2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Toà án

giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Lê Quế T, sinh ngày 09/8/2009. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà B giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với điều kiện và thời gian kết hôn như bà B trình bày. Ông H xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có những lúc vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, nhưng theo ông những mâu thuẫn này không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì ông còn yêu thương bà B và không muốn bỏ mẹ ly hôn ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống của con chung.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông xác định vợ chồng có 01 con chung như bà B trình bày. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quế T, sinh ngày 09/8/2009 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà B phải có nghĩa vụ đóng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh H hiện đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà B, ông H là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, là những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà B, ông H thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà B, ông H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà B, ông H: Bà B xác định vợ chồng chung sống nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường phát sinh cãi vã và không hạnh phúc. Quá trình tố tụng bà B giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Ông H xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung nên đôi lúc phát sinh cãi vã nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn. Ông H mong muốn đoàn tụ gia đình với bà B vì yêu thương bà B và không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con chung. Tuy nhiên ông H không tự hạn gắn tình cảm vợ chồng với bà B được. Tòa án đã hướng các đương sự hoà giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, bà B vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với ông H và xác định bà không còn tình cảm với ông H.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà B đối với ông H.

[2.2]. Về con chung: Bà B và ông H có 01 con chung là Nguyễn Lê Quế T, sinh ngày 09/8/2009. Bà B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông H đồng ý giao cháu T cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sự thoả thuận này của bà B và ông H phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để ghi nhận sự thoả thuận của bà B, ông H về việc giao cháu T cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Nguyễn Minh H về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Minh H giao cháu Nguyễn Lê Quế T, sinh ngày 09/8/2009 cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ông Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003894 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị B đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Long Hoà, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền